VỐN TRÍ TUỆ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TRÍ TUỆ

TS. Lâm Thị Thanh Huyền* - Ths. Nguyễn Thị Quỳnh Châm*

Vốn trí tuệ (Intellectual Capital) đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra giá trị gia tăng và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Bài viết hệ thống hoá khái niệm vốn trí tuệ và các thành phần cấu thành. Bên cạnh đó, bài viết giới thiệu hai phương pháp phổ biến trong đo lường hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ: phương pháp hệ số giá trị gia tăng (VAIC) và phương pháp hệ số giá trị gia tăng điều chỉnh (MVAIC) với dữ liệu thực nghiệm của hai doanh nghiệp đại diện cho ngành tài chính và bất động sản ở Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất các hàm ý chính sách và khuyến nghị cụ thể nhằm lựa chọn phương pháp đo lường phù hợp với từng ngành cụ thể.

• Từ khóa: *vốn trí tuệ, VAIC, MVAIC, hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ.*

Intellectual capital plays a vital role in generating added value and enhancing corporate competitiveness in the context of the Fourth Industrial Revolution. This study systematizes the concept of intellectual capital and its constituent components. In addition, it introduces two widely used approaches for measuring the efficiency of intellectual capital utilization: the Value Added Intellectual Coefficient (VAIC) method and the Modified Value Added Intellectual Coefficient (MVAIC) method, with empirical data from two representative enterprises in the finance and real estate sectors in Vietnam. Based on the research findings, the paper proposes specific policy implications and recommendations, including selecting appropriate measurement methods for each industry.

• Key words: *intellectual capital, VAIC, MVAIC, effective use of intellectual capital.*

JEL code: G32

Ngày nhận bài: 04/5/2025
Ngày gửi phản biện: 10/5/2025
Ngày chấp nhận đăng: 28/7/2025

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i297.05

1. Giới thiệu

Xu hướng phát triển công nghệ mới, tri thức mới về trí thông minh nhân tạo, big data, chuyển đổi số…đã làm thay đổi nhiều mặt của cuộc sống đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Theo (Bontis, 1998) trong tổng tài sản thì tài sản vô hình hay vốn trí tuệ là yếu tố quan trọng giúp tạo ra lợi thế cũng như giá trị tăng thêm cho doanh nghiệp. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt ngày nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển cần tận dụng tốt các nguồn lực sẵn có với mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận. Hiện nay, các doanh nghiệp rất quan tâm đến vốn trí tuệ và coi đó chính là mấu chốt khác biệt giúp doanh nghiệp cạnh tranh với doanh nghiệp khác. Nghiên cứu của (Martín-de Castro, 2019) cũng cho rằng vốn trí tuệ có vai trò quan trọng trong nền kinh tri thức và là động lực chính tạo nên lợi thế cạnh tranh bền vững của một công ty. Chính vì vậy, tìm hiểu về vốn trí tuệ và các phương pháp đo lường hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ được các nhà kinh tế ngày càng quan tâm.

2. Khái niệm về vốn trí tuệ

Năm 1969, nhà kinh tế học người Mỹ Calbraith lần đầu đưa ra thuật ngữ "vốn trí tuệ". Ông chỉ ra rằng vốn trí tuệ là một loại vốn động, là quá trình động của việc tạo ra tri thức và là cách để đạt được mục tiêu. Tuy nhiên, định nghĩa của Calbraith về khái niệm này chỉ dừng lại ở mức độ trên mà không đi phân tích sâu thêm.

Theo (Stewart, 1997) cho rằng vốn trí tuệ là "vật chất trí tuệ - kiến thức, thông tin, sở hữu trí tuệ, kinh nghiệm - có thể được sử dụng để tạo ra của cải". Khái niệm này trung vào kết quả kinh doanh ("tạo ra của cải"), tập trung vào vốn trí tuệ một cách thực tế khiến việc quản lý và đo lường nó trở nên quan trọng.

Theo nghiên cứu của (Pulic & Kolakovic, 2005) vốn trí tuệ là tất cả các nguồn lực vô hình bao gồm kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn có được từ nhân viên và quan hệ khách hàng để mang lại lợi thế cạnh tranh cho công ty.

Theo (Chang & Hsieh, 2011) lại cho rằng vốn trí tuệ là tất cả những hoạt động của nhân viên, nhà quản lý và

** Học viện Tài chính*

các cổ đông trong công ty nhằm cải thiện năng suất lao động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp đó.

Tóm lại, vốn trí tuệ là giá trị của kiến thức, kỹ năng, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của nhân viên, quy trình tổ chức, đào tạo và các yếu tố vô hình khác góp phần giúp doanh nghiệp thu được lợi nhuận, cải thiện hiệu quả kinh doanh, tạo ra sự bền vững tài chính và lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Hình 1: Sơ đồ giá trị doanh nghiệp

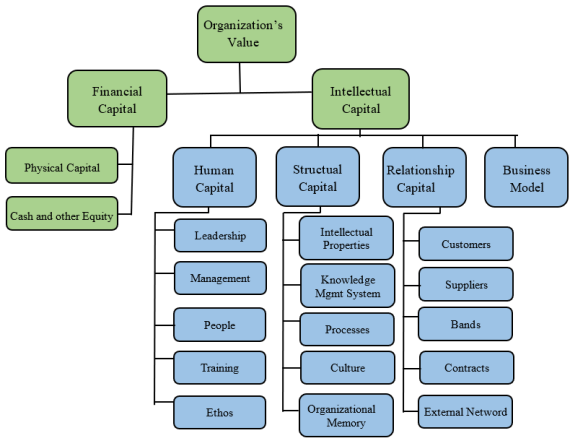

Nguồn: Báo cáo thường niên của Skandia, 1994

Hình 1 cho thấy, vốn trí tuệ là một trong 2 nhân tố cấu thành giá trị doanh nghiệp. Các nghiên cứu được thực hiện trước đây phân loại vốn trí tuệ thành ba yếu tố, bao gồm: vốn con người, vốn cấu trúc và vốn quan hệ (Choong, 2008; Molodchik et al., 2012). Một số nghiên cứu khác (Nazari & Herremans, 2007; Phusavat et al., 2011) cho rằng vốn trí tuệ ngoài ba thành phần kể trên còn bao gồm vốn đổi mới là chi phí nghiên cứu và phát triển

**** Vốn con người (HC)***

Vốn con người được coi là thành phần quan trọng nhất của vốn trí tuệ (Aljuboori et al., 2022) có ảnh hưởng lớn đến việc cải thiện khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Vốn con người đại diện cho kho tri thức cá nhân của một tổ chức để tiếp cận các mục tiêu nhất định (Bontis, 1998), là tổng thể của năng lực, kỹ năng, sự đổi mới, thái độ, cam kết, trí tuệ và kinh nghiệm.

**** Vốn cấu trúc (SC)***

Dựa vào hình 1 có thể thấy SC bao gồm tất cả các nguồn tri thức phi nhân lực như cơ sở dữ liệu, tài sản trí tuệ (bằng sáng chế, bản quyền, …) và cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, vốn cấu trúc còn bao gồm các hệ thống, quy trình hay văn hóa của doanh nghiệp (Stewart, 1997). Vốn cấu trúc liên quan mật thiết với vốn con người. Vốn con người có thể được sử dụng để tạo thành tài sản trí tuệ và xây dựng vốn cấu trúc của công ty. Như vậy, có thể hiểu vốn cấu trúc là đại diện cho vốn đầu tư vào tài sản vô hình của doanh nghiệp (không bao gồm vốn đầu tư cho con người).

**** Vốn quan hệ (RC)***

Theo (Bontis, 1998), vốn quan hệ đề cập đến tri thức và khả năng học tập tồn tại trong tất cả các mối quan hệ mà một công ty có thể phát triển với các bên liên quan, chẳng hạn như khách hàng, nhà cung cấp và đối tác thương mại, giúp công ty tạo ra giá trị bằng cách kết nối các nguồn lực trí tuệ nội bộ với các bên liên quan. Vốn quan hệ là vốn sử dụng để duy trì các mối quan hệ trong và ngoài doanh nghiệp.

3. Các phương pháp đo lường hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ

Ngày nay, các phương pháp đo lường vốn trí tuệ có thể được phân loại thành một trong hai nhóm: (1) Nhóm đầu tiên được tạo ra bởi các phương pháp liên quan đến việc đánh giá và đo lường các thành phần cụ thể của vốn trí tuệ; (2) Nhóm thứ hai bao gồm việc đo lường các yếu tố phi vật chất trong các danh mục tài chính ở cấp độ doanh nghiệp mà không tham chiếu đến các thành phần cụ thể của vốn trí tuệ.

Trong các nghiên cứu hiện nay, để đo lường hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ có 2 phương pháp phổ biến là: Phương pháp hệ số giá trị gia tăng (VAIC) và hệ số giá trị gia tăng điều chỉnh (MVAIC).

3.1. Phương pháp hệ số giá trị gia tăng (VAIC)

3.1.1. Nội dung phương pháp

Phương pháp hệ số giá trị gia tăng (VAIC) được giới thiệu lần đầu tiên bởi Public (1997). Theo Pulic (2000) hiệu quả hoạt động của một doanh nghiệp được đánh giá dựa trên giá trị tăng thêm (Value Added - VA) do doanh nghiệp đó tạo ra. Phương pháp này được sử dụng khá phổ biến bởi các dữ liệu sẵn có trên báo cáo tài chính.

Để đo lường VAIC trước tiên cần tính được giá trị tăng thêm của doanh nghiệp (VA). VA thường được tính bằng tổng lợi nhuận trước thuế và chi phí nhân viên (Loan et al., 2023). VA bị ảnh hưởng bởi hiệu quả sử dụng vốn con người (HC) và vốn cấu trúc (SC).

Hệ số VAIC là tổng hợp của ba nhân tố là: Hiệu quả sử dụng vốn nhân lực - HCE Human capital efficiency), hiệu quả sử dụng vốn cấu trúc - SCE (Structural capital efficiency), hiệu quả sử dụng vốn tài chính - CEE (capital employed efficiency) - vốn sử dụng.

Như vậy VAIC được tính như sau:

$$VAIC_i = HCE_i + SCE_i + CEE_i$$

Quy trình tính VAIC:

Bảng 1: Quy trình tính VAIC

Bước thực hiện	Biến	Công thức	Diễn giải
1	Giá trị tăng thêm (VA)	VA = OP + EC+ D+ A	OP: Lợi nhuận trước thuế và lãi vay EC: Chi phí nhân viên D: Khấu hao tài sản vô hình A: Khấu hao tài sản hữu hình CE: Tổng tài sản ròng SC: Vốn cấu trúc HC: Vốn con người
2	Vốn trí tuệ (IC)	IC = EC + SC	
3	Hiệu quả sử dụng vốn con người (HCE)	HCE = VA/HC	
4	Hiệu quả sử dụng vốn cấu trúc (SCE)	SCE = SC/VA	
5	Hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ (ICE)	ICE = HCE+SCE	
6	Hiệu quả sử dụng vốn tài chính (CEE)	CEE = VA / CE	
7	Hệ số gia tăng vốn trí tuệ (VAIC)	VAIC = ICE + CEE	

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Bên cạnh ưu điểm là dễ tính toán và đo lường, phương pháp VAIC vẫn có hạn chế bởi công thức tính vốn cấu trúc và vốn nhân lực tồn tại mâu thuẫn trong lý thuyết (Ståhle et al., 2011). Ngoài ra, vốn quan hệ không được coi là yếu tố cấu thành VAIC (Vishnu & Kumar Gupta, 2014a). Một hạn chế khác là mô hình không đo lường được các công ty có lợi nhuận âm vì sẽ dẫn đến giá trị gia tăng âm, vì thế phải loại bỏ các công ty này khỏi mẫu nghiên cứu (Zéghal & Maaloul, 2010). Mô hình này không thể được sử dụng riêng cho các tài sản vô hình (L. Brennan, 2011) và không bao gồm chi phí sở hữu trí tuệ và nghiên cứu và phát triển (R&D). Ngoài ra, mức độ rủi ro của một công ty không được xem xét trong mô hình (Maditinos et al., 2011). Có ý kiến cho rằng mô hình không thể tính đến các tác động tổng hợp của các dạng tài sản hữu hình và vô hình khác nhau (Dzenopoljac et al., 2017).

3.1.2. Ví dụ minh họa

Dựa vào báo cáo tài chính đã kiểm toán của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank (VCB) năm 2022, 2023. Tính hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ theo phương pháp VAIC qua bảng 2 như sau:

Bảng 2: VAIC của Vietcombank giai đoạn 2022-2023 (Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	VCB	
		2022	**2023**
1	LN trước thuế và lãi vay	37.368.091	41.243.687
2	Chi phí nhân viên (HC)	10.704.534	11.718.438
3	Khấu hao tài sản cố định	1.345.198	1.269.357
4	Tổng tài sản	1.813.815.170	1.839.613.198
5	Tài sản vô hình	2.815.317	2.592.569
6	VA (1+2+3)	49.417.823	54.231.482
7	SC (6-2)	38.713.289	42.513.044
8	CE (4-5)	1.810.999.853	1.837.020.629
9	IC (2+6+8)	1.860.417.676	1.891.252.111
10	HCE (6/2)	4,6165	4,6279
11	SCE (7/8)	0,7834	0,7839
12	ICE (10+11)	5,3999	5,4118
13	CEE (6/8)	0,0273	0,0295
14	VAIC (12+13)	5,4272	5,4413

Nguồn: Tác giả tự tính toán dựa trên BCTC đã được kiểm toán của VCB

Nhận xét

Kết quả tính toán hệ số VAIC của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) cho giai đoạn 2022 - 2023 cho thấy, VAIC của ngân hàng duy trì xu hướng tăng nhẹ, từ 5,4272 năm 2022 lên 5,4413 năm 2023. Điều này phản ánh khả năng tạo giá trị gia tăng từ các nguồn lực trí tuệ của ngân hàng tiếp tục được cải thiện. Trong đó, hiệu quả sử dụng vốn nhân lực (HCE) và hiệu quả sử dụng vốn tài chính (CEE) có xu hướng tăng. Điều này có thể xuất phát từ việc nâng cao năng suất lao động, cải thiện kỹ năng nhân viên hoặc áp dụng công nghệ hỗ trợ quy trình nghiệp vụ và hiệu quả khai thác tổng tài sản có cải thiện.

3.2. Phương pháp hệ số giá trị gia tăng trí tuệ điều chỉnh (MVAIC)

3.2.1. Nội dung phương pháp

Để khắc phục những hạn chế của phương pháp VAIC, Public đã đề xuất mô hình hệ số giá trị gia tăng trí tuệ điều chỉnh (MVAIC) như một phần mở rộng của mô hình VAIC giúp đo lường hiệu quả giá trị gia tăng của vốn trí tuệ một cách toàn diện hơn. Phương pháp MVAIC đáp ứng ba thành phần của vốn trí tuệ, bao gồm vốn nhân lực, vốn cấu trúc và vốn tài chính và thành phần thứ tư là hiệu quả sử dụng vốn quan hệ (Relational capital) (Nazari & Herremans, 2007; Nimtrakoon, 2015; Vishnu & Kumar Gupta, 2014b).

MVAIC được tính theo công thức sau:

$$MVAIC_i = HCE_i + SCE_i + CEE_i + RCE_i$$

Cách đo lường hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ theo phương pháp MVAIC được thể hiện qua Hình 2.

Hình 2: Quy trình đo lường hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ theo phương pháp MVAIC

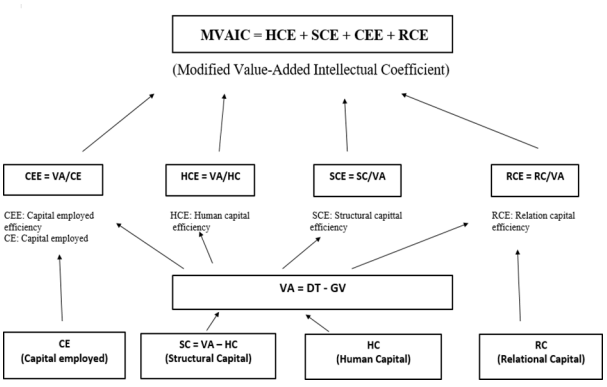

Sự khác biệt giữa VAIC và MVAIC là sự đóng góp của của vốn quan hệ $RCEi$ (Relational capital efficiency) trong việc tạo ra giá trị gia tăng. Vì thế, các bước tính MVAI kế thừa phần lớn các bước tính VAIC.

Cụ thể:

Bước 1: Đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp bằng cách đo lường giá trị tăng thêm (VA) và vốn cấu trúc (SC)

Thông thường, VAi được xác định bằng tổng lợi nhuận trước thuế (EBT) và chi phí nhân viên (HC) vì lợi nhuận trước thuế cho biết giá trị còn lại sau khi trừ tất cả các chi phí từ bán hàng không bao gồm chi phí nhân viên (Tran & Vo, 2020a). SC được tính bằng hiệu giữa VA và HC.

$$VA_i = EBT_i + HC_i + D_i$$

$$SC_i = VA_i - HC_i$$

Bước 2: Đo lường hiệu quả sử dụng các thành phần của vốn trí tuệ bao gồm: hiệu quả sử dụng vốn nhân lực (HCE), hiệu quả sử dụng vốn cấu trúc (SCE) và hiệu quả sử dụng vốn tài chính (CEE).

- Cách đo lường HCE, SCE và CEE như đã thể hiện trong bảng 1 ở trên.

- Đo lường hiệu quả sự đóng góp của vốn quan hệ trong việc tạo ra giá trị.

$$RCE_i = \frac{\mathrm{RC_i}}{VA_i}$$

Bước 3: Tính giá trị của MVAIC

$$MVAIC_i = HCE_i + SCE_i + CEE_i + RCE_i$$

Kể từ khi ra đời, mô hình MVAIC đã được áp dụng rộng rãi trong các nghiên cứu thực nghiệm để đo lường vốn trí tuệ tại các doanh nghiệp.

Như vậy, so với VAIC thì phương pháp đo lường hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ điều chỉnh (MVAIC) đã tính thêm ảnh hưởng của vốn quan hệ trong đo lường IC. Thông thường, RC (Thanh & Tu, 2021) được đo lường bởi chi phí bán hàng, tiếp thị và quảng cáo nhưng không bao gồm chi phí nhân viên. Tuy nhiên, đối với từng ngành, lĩnh vực khác nhau việc tiếp cận thông tin về vốn quan hệ không giống nhau vì thế để lựa chọn phương pháp nào để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ phụ thuộc phần lớn vào dữ liệu hiện có.

3.2.2. Ví dụ minh họa

Dựa vào báo cáo tài chính đã kiểm toán của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP (Becamex IDC Corp) - BCM năm 2022, 2023 được công bố, ta có thể tính toán được hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ của BCM theo phương pháp MVAIC qua bảng 3 như sau:

Bảng 3: MVAIC của Becamex IDC Corp giai đoạn 2022-2023 (Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	BCM	
		2022	2023
1	LN trước thuế và lãi vay	1.951.819	2.697.158
2	Chi phí nhân viên (HC)	865.991	836.133
3	Khấu hao tài sản cố định	189.713	582.043
4	Tổng tài sản	48.305.442	53.423.902
5	Tài sản vô hình	153.307	140.714
6	Chi phí bán hàng	607.862	785.362
7	Chi phí tiếp thị, mô giới	155.998	87.794
8	VA (1+2+3)	3.007.523	4.115.335
9	SC (8-2)	2.141.532	3.279.202
10	CE (4-5)	48.152.134	53.283.188
11	IC (2+8+10)	51.159.657	57.398.523
12	HCE (8/2)	3,4729	4,9219
13	SCE (9/8)	0,7121	0,7968
14	ICE (12+13)	4,1850	5,7187
15	CEE (8/10)	0,0625	0,0772
16	RCE ((6+7)/8)	0,2540	0,2122
17	MVAIC (15+16)	4,5014	6,0081

Nguồn: Tác giả tự tính toán dựa trên BCTC đã được kiểm toán của BCM

Nhận xét:

Kết quả tính toán MVAIC của BCM cho giai đoạn 2022-2023 cho thấy hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ của doanh nghiệp tăng đáng kể, từ 4,5014 năm 2022 lên 6,0081 năm 2023, phản ánh năng lực khai thác và tạo giá trị từ các nguồn lực trí tuệ đã được cải thiện rõ rệt. Trong đó, hiệu quả sử dụng vốn nhân lực (HCE), hiệu quả sử dụng vốn cấu trúc (SCE) và hiệu quả sử dụng vốn tài chính (CEE) có xu hướng tăng nhất là HCE tăng mạnh. Đây có thể là kết quả của việc nâng cao năng suất lao động, tái cấu trúc bộ máy, hoặc đầu tư vào đào tạo và phát triển kỹ năng nhân viên cũng như phản ánh hệ thống, quy trình, và tài sản trí tuệ phi nhân lực của doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả hơn, góp phần bổ trợ cho HCE. Trong khi đó, hiệu quả sử dụng vốn quan hệ (RCE) giảm nhẹ cho thấy khả năng khai thác các mối quan hệ bên ngoài (khách hàng, đối tác, thương hiệu) chưa được cải thiện, thậm chí có dấu hiệu giảm sút.

4. Hàm ý chính sách và khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu và phân tích lý thuyết về VAIC và MVAIC cho thấy, việc đo lường và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ tại các doanh nghiệp Việt Nam cần được triển khai một cách hệ thống, phù hợp với đặc thù ngành và khả năng thu thập dữ liệu. Các hàm ý chính sách và khuyến nghị cụ thể bao gồm:

Thứ nhất: Lựa chọn phương pháp đo lường phù hợp theo đặc thù ngành

+ Ngành ngân hàng và tài chính: Do tỷ trọng vốn tài chính và vốn quan hệ (RC) cao, phương pháp MVAIC nên được ưu tiên để phản ánh đầy đủ vai trò của vốn quan hệ bên cạnh vốn nhân lực (HC) và vốn cấu trúc (SC). Dữ liệu có thể thu thập từ báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và hệ thống CRM, bao gồm các chỉ tiêu marketing, chăm sóc khách hàng và quan hệ đối tác. Tuy nhiên do số liệu trên BCTC của các ngân hàng hiện nay, không bóc tách được chi phí bán hàng, chi phí tiếp thị, môi giới nên thực tế vẫn cần phải sử dụng phương pháp VAIC.

+ Ngành công nghệ và đổi mới sáng tạo: Trong giai đoạn đầu, khi dữ liệu về vốn quan hệ chưa đầy đủ, doanh nghiệp nên áp dụng VAIC để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nhân lực và vốn cấu trúc. Khi hệ thống dữ liệu marketing, R&D và quản trị khách hàng được chuẩn hóa, nên chuyển sang MVAIC để đo lường toàn diện hơn.

+ Ngành sản xuất: Có thể áp dụng VAIC kết hợp với các chỉ tiêu năng suất lao động và hiệu quả vận hành; trong trường hợp doanh nghiệp chú trọng quan hệ khách hàng và thương hiệu, việc mở rộng sang MVAIC sẽ đem lại cái nhìn sâu sắc hơn.

Thứ hai: Chuẩn hóa hệ thống dữ liệu nội bộ

Các doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống kế toán quản trị và báo cáo nội bộ để ghi nhận đầy đủ chi phí và nguồn lực liên quan đến vốn trí tuệ. Bên cạnh đó, cần áp dụng các chuẩn phân loại chi phí và nguồn lực trí tuệ theo thông lệ quốc tế để đảm bảo tính so sánh liên thời gian và giữa các doanh nghiệp.

Thứ ba: Tích hợp VAIC/MVAIC vào hệ thống đánh giá hiệu quả nội bộ

Việc tích hợp VAIC/MVAIC vào hệ thống chỉ tiêu tài chính truyền thống (ROA, ROE, EVA…) sẽ giúp có cái nhìn đa chiều về hiệu quả hoạt động.

Thứ tư: Đào tạo và nâng cao nhận thức của nhà quản trị

Việc đào tạo và nâng cao nhận thức của nhà quản trị về ý nghĩa, phương pháp tính toán và ứng dụng VAIC/MVAIC là cần thiết, các doanh nghiệp cần tổ chức tập huấn cho bộ phận tài chính - kế toán và quản trị chiến lược về ý nghĩa, cách tính và ứng dụng VAIC/MVAIC.

Thứ năm: Chính sách hỗ trợ từ phía Nhà nước và cơ quan quản lý

Nhà nước và cơ quan quản lý cần ban hành hướng dẫn khung về đo lường và công bố thông tin vốn trí tuệ, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp niêm yết công bố chỉ số VAIC/MVAIC trong báo cáo thường niên nhằm tăng cường minh bạch và thu hút nhà đầu tư quan tâm đến yếu tố trí tuệ và đổi mới sáng tạo.

Kết luận

Ngày nay, vốn trí tuệ đã trở thành một yếu tố quan trọng trong việc đánh giá sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng vốn con người, vốn cấu trúc và vốn quan hệ là những thành phần cốt lõi có ảnh hưởng đến khả năng tạo giá trị và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

Bằng việc áp dụng mô hình đo lường VAIC và MVAIC không chỉ giúp doanh nghiệp đánh giá hiệu quả khai thác vốn trí tuệ, mà còn hỗ trợ những quyết định về đầu tư và phát triển nguồn lực. Trong bối cảnh nền kinh tế số hiện nay, việc nâng cao hiệu quả quản lý vốn trí tuệ sẽ giúp doanh nghiệp tối ưu hoá quy trình sản xuất kinh doanh và gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường. Sự phối hợp đồng bộ giữa doanh nghiệp, nhà quản trị và cơ quan quản lý trong việc chuẩn hóa dữ liệu, lựa chọn phương pháp phù hợp và tích hợp kết quả đo lường vào chiến lược kinh doanh sẽ là chìa khóa để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trí tuệ, hướng tới mục tiêu gia tăng giá trị và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

Thanh T., & Tu L. (2021). Nâng cao hiệu quả tài chính doanh nghiệp thông qua vốn trí tuệ: Bằng chứng tại các công ty niêm yết Việt Nam, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, Số 211.

Loan V. T. H., Đức V. H., Hiền H. T. T., & Ngọc T. P. (2023). Vốn trí tuệ, quản trị công ty và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp tại Việt Nam. TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH, 18(1), 21–34.

Aljuboori, Z. M., Singh, H., Haddad, H., Al-Ramahi, N. M., & Ali, M. A. (2022). Intellectual Capital and Firm Performance Correlation: The Mediation Role of Innovation Capability in Malaysian Manufacturing SMEs Perspective. Sustainability, 14(1), 154. https://doi.org/10.3390/su14010154

Bontis, N. (1998). Intellectual capital: An exploratory study that develops measures and models. Management Decision, 36(2), 63–76.

L. Brennan, R. (2011). Generalizability Theory | SpringerLink. https://link.springer.com/book/10.1007/978-1-4757-3456-0

Maditinos, D., Chatzoudes, D., Tsairidis, C., & Theriou, G. (2011). The impact of intellectual capital on firms' market value and financial performance. Journal of Intellectual Capital, 12(1), 132–151. https://doi.org/10.1108/14691931111097944

Martín-de Castro, G., Díez-Vial, I., & Verde, M. (2019). Intellectual capital and the firm: Evolution and research trends. Journal of Intellectual Capital, ahead-of-print.

Molodchik, M., Bykova, A., & Shakina, E. (2012). Intellectual Capital Transformation Evaluating Model. Journal of Intellectual Capital, 13.

Nazari, J. A., & Herremans, I. M. (2007). Extended VAIC model: Measuring intellectual capital components. Journal of Intellectual Capital, 8(4), 595–609.

Nimtrakoon, S. (2015). The relationship between intellectual capital, firms' market value and financial performance. Journal of Intellectual Capital, 16(3), 587–618.

Phusavat, K., Comepa, N., Sitko-Lutek, A., & Ooi, K. (2011). Interrelationships between intellectual capital and performance: Empirical examination. Industrial Management & Data Systems, 111(6), 810–829.

Pulic, A. (2000). VAICTM an accounting tool for IC management. International Journal of Technology Management, 20(5/6/7/8), 702.

Pulic, A., & Kolakovic, M. (2005). Value creation efficiency in the new economy. Global Business and Economics Review, 5, 111–128.

Zéghal, D., & Maaloul, A. (2010). Analysing value added as an indicator of intellectual capital and its consequences on company performance. Journal of Intellectual Capital, 11(1), 39–60.